

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

1817
D71.109

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (72 -)/DA22DDC

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: T.N.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

18 / 7 / 2023

Phòng thi: D71.109.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	115422020	Trần Thị Thùy	Dương	09/04/2004	Nữ	8,5	4.6	6,6	001		
2	115422082	Lê Thanh	Nhân	29/09/2004	Nữ	8,2	5.8	7,0	002		
3	115422084	Lê Thị Yến	Nhi	01/05/2004	Nữ	8,2	5.6	6,9	003		
4	115422102	Nguyễn Thị Kim	Quyên	24/09/2004	Nữ	8,5	5.2	6,9	004		
5	115422103	Phan Thị Hồng	Quyên	02/12/2004	Nữ	8,5	5.8	7,2	005		
6	115422106	Kim Thị Gia	Rai	23/09/2004	Nữ	8,5	4.0	6,3	006		
7	115422108	Nguyễn Duy	Tân	18/07/2004	Nam	8,2	5.0	6,6	007		
8	115422109	Trần Văn	Tân	04/11/2004	Nam	8,2	4.0	6,1	008		
9	115422110	Thạch Thị Rót	Tha	08/12/2004	Nữ	8,2	4.0	6,1	009		
10	115422111	Nguyễn Thị Phương	Thảo	16/06/2004	Nữ	9,0	3.6	6,3	010		
11	115422121	Kim Ngọc	Thuận	21/01/2004	Nam	9,0	3.6	6,3	011		
12	115422124	Đặng Thị Cẩm	Tiên	16/10/2004	Nữ	8,7	4.8	6,8	012		
13	115422129	Trần Thị Bảo	Trâm	18/04/2004	Nữ	8,7	4.8	6,8	013		
14	115422130	Đặng Thị Huyền	Trân	02/10/2004	Nữ	9,0	5.0	7,0	014		
15	115422131	Huỳnh Thị Quế	Trân	02/02/2004	Nữ	9,0	4.2	6,6	015		
16	115422132	Nguyễn Thị Huyền	Trân	19/03/2004	Nữ	9,7	4.8	7,3	016		
17	115422133	Nguyễn Thị Huyền	Trân	29/08/2004	Nữ	7,5	4.8	6,2	017		
18	115422134	Đặng Thị Thùy	Trang	12/09/2004	Nữ	7,0	4.2	5,6	018		
19	115422135	Trần Đại	Trí	09/08/2004	Nam	8,2	3.0	5,6	019		5,6
20	115422136	Nguyễn Đỗ	Trọng	08/01/2004	Nam	8,2	4.0	6,1	020		6,1
21	115422137	Trần Huỳnh Khả	Tú	21/03/2004	Nữ	7,2	3.2	5,2	021		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20.....

Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 10 tháng 8 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Châu Cao Dương Phương Lan

Cán bộ ghi điểm: Phan Sơn Ca

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: Châu

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (72 -)/DA22DDC

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: TTY

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

18/8/2023

Phòng thi: D71.110

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	115422138	Phạm Minh Tuấn	01/07/2004	Nam	8,2	3.4	5,8	001	<u>Đ</u>		
2	115422140 ✓	Huỳnh Kim Minh Tùng	21/10/2004	Nam	8,5	5.6	7,1	002	<u>Minh</u>		
3	115422141	Hà Thị Ánh Tuyền	24/02/2004	Nữ	8,2	4.2	6,2	003	<u>Tuyen</u>		
4	115422142	Lâm Thị Bích Tuyền	20/04/2004	Nữ	8,7	5.0	6,9	004	<u>nguyen</u>		
5	115422143	Ngô Thanh Tuyền	17/01/2004	Nữ	8,2	4.2	6,2	005	<u>Tuyen</u>		
6	115422144	Nguyễn Thị Mỹ Tuyền	13/04/2004	Nữ	7,2	5.2	6,2	006	<u>nguyen</u>		
7	115422147	Tạ Minh Văn	17/02/2004	Nữ	8,2	4.4	6,3	007	<u>Van</u>		
8	115422148	Tiêu Hùng Gia Vương	21/12/2004	Nữ	8,2	4.6	6,4	008	<u>Ng</u>		
9	115422150 ✓	Đỗ Ngọc Phương Vy	17/04/2004	Nữ	—	—	—	—	—	—	
10	115422151 ✓	Nguyễn Ngọc Triều Vy	10/07/2003	Nữ	8,5	7.4	8,0	010	<u>ntc</u>		
11	115422153	Trương Thị Cúc Xinh	19/10/2004	Nữ	8,8	6.6	7,7	011	<u>Xinh</u>		
12	115422154 ✓	Bùi Thanh Xuân	16/10/2004	Nữ	8,5	4.6	6,6	012	<u>Xuan</u>		
13	115422155 ✓	Thạch Thị Ngọc Xuân	04/09/2004	Nữ	8,8	4.6	6,7	013	<u>Ng</u>		
14	115422156 ✓	Nguyễn Thị Bảo Xuyên	27/04/2004	Nữ	8,8	7.2	8,0	014	<u>Xuan</u>		
15	115422157	Trần Thị Như Ý	02/04/2004	Nữ	8,8	4.2	6,5	015	<u>Ng</u>		
16	115422158	Nguyễn Thị Bảo Yến	27/02/2004	Nữ	8,5	5.2	6,9	016	<u>Yen</u>		
17	115422189 ✓	Trần Thị Yến Như	04/06/2004	Nữ	8,2	4.8	6,5	017	<u>Ng</u>		
18	115422190 ✓	Trần Thanh Thư	29/12/2004	Nữ	7,2	3.2	5,2	018	<u>Thanh</u>		
19	115422191	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	18/08/2004	Nữ	7,0	3.4	5,2	019	<u>Van</u>		
20	115422192	Huỳnh Thị Huyền Trang	19/06/2004	Nữ	7,0	4.6	5,8	020	<u>Tran</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 19

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 19

Tổng số tờ: 19

Cán bộ coi thi 1: Đỗ Ngọc Phương Vy

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 10 tháng 8 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Cúc Xinh

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Cúc Xinh

Nguyễn Thị Cúc Xinh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (60 -)/CA22MNA

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

18/7/2023

Phòng thi: D71.110

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chi
1	214222001	Thạch Thị Thúy An	30/12/2004	Nữ	8,2	2,8	5,5	001	<u>AD</u>		
2	214222003	Nguyễn Ngọc Ánh	05/05/2004	Nữ	8,5	3,8	6,2	002	<u>anh</u>		
3	214222005	Cao Nguyễn Ngọc Diễm	09/04/2004	Nữ	8,2	3,4	5,8	003	<u>Diem</u>		
4	214222006	Lê Thị Mỹ Dung	21/09/2003	Nữ	8,2	3,6	5,9	004	<u>Xue</u>		
5	214222007	Lê Thị Thùy Dương	13/04/2004	Nữ	8,2	3,6	5,9	005	<u>Duong</u>		
6	214222008	Trần Thị Cẩm Duyên	05/12/2004	Nữ	8,2	4,8	6,5	006	<u>Duyen</u>		
7	214222010	Phan Thị Ngọc Giàu	08/06/2004	Nữ	9,2	3,6	6,4	007	<u>giàu</u>		
8	214222011	Thạch Thị Ngọc Hân	16/01/2003	Nữ	8,2	4,2	6,2	008	<u>ylan</u>		
9	214222012	Tổng Thị Bảo Hân	14/10/2003	Nữ	8,2	4,0	6,1	009	<u>han</u>		
10	214222015	Phạm Như Huỳnh	23/04/2003	Nữ	8,7	4,2	6,5	010	<u>huynh</u>		
11	214222016	Thạch Thị Ngọc Mai	23/03/2004	Nữ	8,7	3,8	6,3	011	<u>mai</u>		
12	214222017	Võ Thị Diễm My	05/11/2003	Nữ	7,8	3,4	5,6	012	<u>my</u>		
13	214222018	Dương Thị Thanh Na	17/03/2003	Nữ	8,7	3,4	6,1	013	<u>na</u>		
14	214222019	Nguyễn Thị Nga	14/07/2004	Nữ	8,7	2,8	5,8	014	<u>nga</u>		
15	214222020	Kim Thảo Ngân	19/12/2004	Nữ	5,8	4,6	5,2	015	<u>ngan</u>		
16	214222026	Nguyễn Thanh Nhi	28/07/2004	Nữ	7,8	4,0	5,9	016	<u>nhi</u>		
17	214222033	Nguyễn Thị Ngọc Thắm	03/03/2004	Nữ	7,8	3,4	5,6	017	<u>thanh</u>		
18	214222045	Thạch Thị Sa Vinh	27/12/2004	Nữ	7,8	3,8	5,8	018	<u>sa</u>		
19	214222052	Thạch Thị Thanh Ngân	15/10/2004	Nữ	7,8	4,2	6,0	019	<u>ngan</u>		
20	214222053	Trần Thị Thảo Ngân	15/12/2004	Nữ	7,8	3,4	5,6	020	<u>ngan</u>		
21	214222054	Trần Bảo Ngọc	24/12/2004	Nữ	7,8	3,2	5,5	021	<u>ngoc</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 21

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 21

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 21

Tổng số tờ: 21

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Thanh

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 10 tháng 8 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Phan Văn Khoa

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (60 -)/CA22MNA

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: TN.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....18...../.....7...../.....2023.....

Phòng thi: D71.109.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	214222055	Lê Thị Hồng	Thi	12/07/2004	Nữ	7,8	5.2	6,5	003	Thi	
2	214222058	Sơn Thị Thanh	Trúc	03/03/2004	Nữ	7,8	4.0	5,9	004	Trúc	
3	214222059	Trần Triều	An	16/12/2004	Nữ	6,2	3.8	5,0	005	Triều	
4	214222060	Tăng Thị Kim	Anh	04/01/2004	Nữ	8,7	3.4	6,1	006	Anh	
5	214222061	Nguyễn Thị Vân	Anh	02/08/2004	Nữ	8,2	—	—	—	—	Vân
6	214222062	Nguyễn Thị Phương	Anh	27/07/2002	Nữ	8,2	3.4	5,8	008	Anh	
7	214222063	Thạch Thị Line	Đa	22/01/2004	Nữ	8,2	4.0	6,1	009	Line	
8	214222064	Thạch Thị Thanh	Huy	07/07/2004	Nữ	8,2	4.4	6,3	010	Thanh	
9	214222066	Nguyễn Thị Minh	Huyền	27/08/2002	Nữ	8,2	3.8	6,0	011	Huyền	
10	214222067	Nguyễn Đoàn Bách	Khoa	14/08/2004	Nữ	—	—	—	—	—	Vai
11	214222068	Phạm Thị Thùy	Linh	03/02/2003	Nữ	9,0	4.4	6,7	013	Thùy	
12	214222070	Nguyễn Thị Diễm	My	08/07/2004	Nữ	6,7	3.6	5,2	014	Diễm	
13	214222072	Huỳnh Thanh	Ngân	14/08/2002	Nữ	7,8	3.6	5,7	015	Thanh	
14	214222073	Trương Thị Bích	Như	13/12/2004	Nữ	7,8	3.6	5,7	016	Như	
15	214222074	Dương Thị Ngọc	Như	30/12/2004	Nữ	8,3	3.8	6,1	017	Như	
16	214222075	Nguyễn Thị Bảo	Như	30/08/2004	Nữ	7,8	4.4	6,1	018	Như	
17	214222076	Luyện Thị Hồng	Nhung	26/10/2004	Nữ	7,8	3.6	5,7	019	Nhung	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 17.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 15.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 15.....

Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50.....%; Điểm KT: 50.....%

Trà Vinh, Ngày 10..... tháng 8..... năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Cao Dương Phương Lan

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn La

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (60 -)/CA22MNB

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

18/7/2023

Phòng thi: D71.111

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	214222021	Thạch Thị Kim Ngân	25/08/2003	Nữ	8,5	56	7,1	001	ngân		
2	214222023	Trần Thanh Ngân	06/05/2004	Nữ	8,8	40	6,4	002	ngân		
3	214222024	Lâm Thị Thúy Nhi	21/04/2004	Nữ	9,0	40	6,5	003	nhi		
4	214222025	Ngô Thị Khôi Nhi	23/07/2004	Nữ	8,5	44	6,5	004	nhi		
5	214222027	Phạm Ngọc Yến Nhi	23/03/2004	Nữ	8,5	48	6,7	005	ngân		
6	214222028	Thạch Thị Ngọc Như	17/07/2004	Nữ	8,5	38	6,2	006	như		
7	214222029	Chu Thị Thuỷ Nhung	02/11/2003	Nữ	8,5	34	6,0	007	nhung		
8	214222030	Nguyễn Thị Yến Phụng	28/10/2004	Nữ	8,5	28	5,7	008	phụng		
9	214222031	Thạch Phụng	21/10/2004	Nữ	6,5	40	5,3	009	phụng		
10	214222032	Nguyễn Thị Kim Quyên	29/05/2004	Nữ	9,0	44	6,7	010	quyên		
11	214222035	Lê Thị Thơ	11/11/2004	Nữ	8,5	30	5,8	011	thơ		
12	214222037	Trần Lâm Anh Thư	10/04/2003	Nữ	8,5	44	6,5	012	thư		
13	214222038	Phạm Thị Cẩm Tiên	27/08/2004	Nữ	6,5	38	5,2	013	tiên		
14	214222039	Đoàn Thị Ngọc Trâm	01/11/2001	Nữ	9,5	44	7,0	014	trâm		
15	214222040	Trương Thị Mỹ Trâm	11/12/2003	Nữ	8,5	46	6,6	015	trâm		
16	214222041	Nguyễn Anh Trí	11/09/2002	Nữ	9,5	46	7,1	016	trí		
17	214222042	Ngô Thị Ngọc Trinh	02/03/2004	Nữ	6,5	38	5,2	017	trinh		
18	214222044	Cao Thị Tuyển	20/06/2004	Nữ	7,8	42	6,0	018	tuyển		
19	214222046	Dương Thị Thúy Vy	21/10/2004	Nữ	8,1	44	6,3	019	vy		
20	214222047	Nguyễn Thị Tường Vy	12/05/2004	Nữ	7,8	32	5,5	020	vy		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Phạm Hồng Sang

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 10 tháng 8 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Phạm Hồng Sang

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (60 -)/CA22MNB

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

18/07/2023

Phòng thi: D71.112

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	214222048	Đào Như Ý	01/07/2003	Nữ	7,8	5,2	6,5	001	<i>Đào Như Ý</i>		
2	214222049	Son Thị Ngọc Yến	04/10/2003	Nữ	8,8	4,8	6,8	002	<i>Yến</i>		
3	214222078	Huỳnh Trúc Phương	26/08/2004	Nữ	7,8	4,2	6,0	007	<i>Trúc Phương</i>		
4	214222079	Lê Thị Kim Quyên	21/04/2004	Nữ	8,1	4,4	6,3	008	<i>Quyên</i>		
5	214222081	Liêu Thị Ngọc Thắm	07/03/2004	Nữ	7,5	6,8	7,2	009	<i>Thắm</i>		
6	214222082	Thạch Thị Thanh Thảo	30/01/2004	Nữ	7,0	4,0	5,5	010	<i>Thảo</i>		
7	214222084	Dương Thị Hoàng Thơ	24/04/2004	Nữ	6,5	4,4	5,5	011	<i>Thơ</i>		
8	214222085	Lâm Thị Thoa	28/05/2004	Nữ	6,5	4,2	5,4	012	<i>Thoa</i>		
9	214222086	Kim Thị Minh Thu	11/10/2004	Nữ	8,5	4,6	6,6	013	<i>Thu</i>		
10	214222087	Thạch Thị Ngọc Trâm	18/12/2004	Nữ	8,5	4,6	6,6	014	<i>Trâm</i>		
11	214222088	Lâm Thanh Trang	14/11/2000	Nữ	8,5	3,0	5,8	015	<i>Trang</i>		
12	214222089	Lê Thị Cẩm Tú	23/11/2004	Nữ	6,5	3,6	5,1	016	<i>Tú</i>		
13	214222090	Nguyễn Gia Tuệ	28/11/2004	Nữ	6,5	3,4	5,0	017	<i>Tuệ</i>		
14	214222091	Huỳnh Thị Thanh Vân	18/12/2004	Nữ	6,6	3,4	5,0	018	<i>Vân</i>		
15	214222094	Thạch Thị Ngọc Như Ý	15/04/2004	Nữ	7,8	4,0	5,9	019	<i>Ý</i>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 15

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 15

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 15

Tổng số tờ: 15

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Anh Phi

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 10 tháng 8 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Đón Đón

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (72 -)/DA22TCNHA

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

18 / 07 / 2023

Phòng thi: D71.112

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114522015	Lê Thị Mỹ Huyền	25/04/2004	Nữ	8,7	4,0	6,4	003	Thuy		
2	114522023	Cao Thị Cẩm Ly	21/09/2004	Nữ	8,7	4,4	6,6	004	Ly		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 02

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 02

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 02

Tổng số tờ: 02

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Anh Phi

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 10 tháng 8 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Phon Pon La

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Thanh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (72 -)/DA22TCNHB

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

18/07/2023

Phòng thi: 071.112

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chi
1	114522053	Ngô Thị Quế	Trần	29/03/2004	Nữ	8,7	3,4	6,1	005	Grand	
2	114522061	Lê Thị Như	Ý	17/10/2004	Nữ	8,7	4,6	6,7	006	Ph	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 02

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 02

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 02

Tổng số tờ: 02

Cán bộ coi thi 1: Ph Nguyễn Anh Phi

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 52%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 10 tháng 8 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn La

Cán bộ kiểm tra: Ph

Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (60 -)/DA21QKDC

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

18 / 7 / 2023

Phòng thi: D71.109

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chi
1	112221257	Nguyễn Thị Tuyết Mai	28/07/2003	Nữ	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>		<u>vắng</u>
2	112221278	Nguyễn Phương Thuận	05/10/2003	Nam	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>		<u>vắng</u>

Tổng số sv, hs trên danh sách: 02

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 00

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 00

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 10 tháng 8 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Lam Cao Dương phương Lan

Cán bộ ghi điểm: Phon Pon La

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Lam

Nguyễn Thị Lành